

KHÍA CẠNH QUYỀN CON NGƯỜI, QUYỀN CÔNG DÂN VÀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG BỘ *QUỐC TRIỀU HÌNH LUẬT*

CAO QUỐC HOÀNG (*)

Tóm tắt: *Quốc triều hình luật - Luật hình triều Lê (tên gọi khác là Luật Hồng Đức) là bộ luật được ra đời ngay từ khi Lê Lợi lên ngôi vua và ngày càng được bổ sung, hoàn chỉnh. Mặc dù được xây dựng từ thế kỷ XV trong một xã hội phong kiến nhưng các nhà lập pháp triều Lê đã biết kết hợp những ưu điểm của Nho giáo với những giá trị truyền thống của dân tộc để tạo ra một bộ luật mà cho đến ngày nay vẫn còn có giá trị. Ở bài viết này, chúng muốn đề cập tới những giá trị về quyền con người, quyền công dân và quản lý nhà nước được thể hiện trong bộ luật này.*

Trong cuộc đổi mới đất nước ta là sự kiện hết sức lớn lao và nhiều việc phải làm, trong đó xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là một nhiệm vụ quan trọng. Việc kế thừa, phát huy những nhân tố tích cực, tiến bộ về quyền con người đã đạt được trong các bộ luật thời kỳ xã hội phong kiến ở Việt Nam mà trong bài viết này chúng tôi muốn nói tới bộ *Quốc triều hình luật*(1), sẽ góp phần không nhỏ làm cơ sở cho việc xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Bởi việc tiếp thu, phát triển những yếu tố tích cực về quyền con người, quyền công dân và quản lý nhà nước trong lịch sử sẽ góp phần giúp cho quá trình hoạch định chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với việc quản lý và phát triển xã hội đúng đắn, phù hợp với truyền thống và tiến trình phát triển của lịch sử xã hội nước ta trong giai đoạn mới. Bên cạnh đó, việc xác lập và đảm bảo thực hiện những giá

trị về quyền con người trên cơ sở kế thừa giá trị truyền thống và phù hợp với trình độ dân trí, điều kiện kinh tế xã hội là những yếu tố không nhỏ tạo nên giá trị đích thực của công cuộc đổi mới và sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Điều đó góp phần khẳng định giá trị nhân văn chủ nghĩa trong việc xây dựng Nhà nước pháp quyền theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.

Như chúng ta đã biết, triều hậu Lê ra đời là thành quả của công cuộc kháng chiến thắng lợi của nhân dân ta dưới ngọn cờ khởi nghĩa của Lê Lợi, chấm dứt 20 năm đô hộ của nhà Minh. Lúc đó, nền

(*) Phòng Quản lý khoa học, Viện Nghiên cứu Thanh niên.

(1) Đây là *Luật hình triều Lê*, còn có tên là *Luật Hồng Đức*. Về sự trùng tên *Quốc triều hình luật* giữa thời Trần và thời Lê, theo một số nghiên cứu, là khi soạn bộ luật đầu tiên của triều đại mình, Lê Thái Tổ cũng đã kế thừa các bộ luật trước đó. Trong bài viết này, chúng tôi lấy theo bản *Quốc triều hình luật* (*Luật hình triều Lê*) do Viện Sử học (Viện Khoa học Xã hội Việt Nam) dịch. Nxb Pháp lý, Hà Nội, 1991.

kinh tế nước ta bị tàn phá nghiêm trọng, nhân dân ly tán, ruộng đất bỏ hoang, đê điều hư hỏng, cầu cống, đường sá xuống cấp, các ngành nghề trong nước bị phá sản... Trước bối cảnh đó, Lê Thái Tổ, ngay từ khi lên ngôi vua, đã chú ý ngay đến việc san định luật pháp nhằm ổn định và phát triển kinh tế-xã hội. Nhà Lê đã ý thức được rất cao vai trò của luật pháp trong việc xây dựng và quản lý đất nước. Bộ *Quốc triều hình luật* còn lại đến ngày nay là cả một quá trình xây dựng, bổ sung, hoàn chỉnh để nhà Lê có thể quản lý mọi mặt đời sống xã hội bằng pháp luật. Nhìn chung, những giá trị về quyền con người, quyền công dân và quản lý nhà nước trong *Quốc triều hình luật* thể hiện ở một số khía cạnh sau:

1. Giá trị về quyền con người và mầm mống sơ khai về quyền công dân trong việc quản lý xã hội thời kỳ phong kiến.

Con người ngay từ khi sinh ra đã được thừa nhận một quyền thiêng liêng, đó là quyền sống. Bởi "người ta phải có khả năng sống đã rồi mới có thể làm ra lịch sử"(2). Bảo vệ quyền sống của con người là trách nhiệm và nghĩa vụ của mọi thành viên trong xã hội vì đây cũng là bảo vệ quyền sống của chính mình. Quan niệm về quyền sống của con người cũng có quá trình phát triển, sơ khai là phản xạ tự vệ cá nhân về mặt thể xác, tiếp đó là hình thành tổ chức để bảo vệ quyền sống của mỗi thành viên trong cộng đồng mình, tiến tới quyền sống được xác lập và ghi nhận thành văn bản pháp quy trong xã hội. Cũng như vậy, bộ luật triều Lê đã dành nhiều điều luật để bảo vệ quyền sống của con người, cũng như quy định rõ hình phạt khi xâm phạm thân thể người

khác. Điều 465 ghi: "Đánh người bằng chân tay không, thì xử phạt 60 *trượng*; bằng một vật gì thì xử phạt 80 *trượng*... đánh chết thì phải tội đánh giết người".

Xã hội phong kiến phân hoá con người thành nhiều tầng lớp, đẳng cấp khác nhau về các phương diện kinh tế, chính trị, văn hoá... Trong xã hội đó, nô tỳ là tầng lớp hèn kém nhất, bị coi như công cụ biết nói, phải phục dịch trong các công sở, các nhà quyền thế. Mặc dù vậy, họ vẫn là con người và do đó, được luật pháp nhà Lê bảo vệ. Điều 490 có ghi: "Nô tỳ... không có tội mà đánh chết thì xử tội *dồ*...".

Để bảo vệ quyền sống của con người trong xã hội hiện đại chúng ta cần thực hiện tốt trên hai bình diện sau đây: Thứ nhất, bảo đảm những điều kiện tối thiểu duy trì cuộc sống cho con người như: ăn uống, nơi ở, mặc, đi lại, đặc biệt đối với người già cả, tàn tật không nơi nương tựa, không còn khả năng lao động. Đối với trẻ em lang thang, mồ côi cha mẹ... cần được hưởng sự bảo trợ và giáo dục của nhà nước thông qua các tổ chức nhân đạo, cứu trợ xã hội. Thứ hai, bảo vệ sức khoẻ con người, sức khoẻ nhân dân thông qua mở rộng mạng lưới y tế, tích cực chủ động trong việc phòng, chống các loại dịch bệnh, có chế độ kiểm tra sức khoẻ định kỳ. Có chế độ nghỉ ngơi, chữa bệnh cho người lao động nhằm xây dựng một chế độ xã hội nhân đạo, tiến bộ, văn minh. Mặt khác, bảo vệ, duy trì sức lao động của nhân dân để họ có thể đóng góp công sức và trí tuệ của mình vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

(2) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t. 3. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.40.

2- Quyền tự do thân thể con người được luật pháp nhà Lê coi trọng và bảo vệ như trong điều 693 quy định: "... Những người không đáng bắt mà lại bắt, thì đều xử theo tội: thêm bớt tội cho người". Điều luật trên đã khẳng định nét tiến bộ của *Quốc triều hình luật* trong việc bảo vệ quyền tự do thân thể của nhân dân khi vô tội, đồng thời thể hiện tính nghiêm minh của luật bởi với quyền hành trong tay, người thi hành công vụ rất dễ ý thể làm càn. Việc quy định, ràng buộc trách nhiệm của những người thi hành hay sử dụng quyền hạn đó đã thể hiện rõ sự nghiêm minh và công bằng trong xã hội. Cách thức quy định hình phạt trong điều luật cho cả hai phía, giữa đối tượng bị bắt và người thi hành công vụ đã làm cho tất cả mọi người dân trong xã hội có ý thức tôn trọng tính nghiêm minh và tuân thủ pháp luật. Như vậy, nó có thể hạn chế đến mức thấp nhất sự lạm dụng quyền lực của những người có chức quyền trong xã hội và ngăn ngừa hiện tượng bắt người oan sai.

Khía cạnh trên đem lại cho chúng ta những kinh nghiệm quý báu trong việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay. Quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền trong xã hội hiện đại cũng cần phải kế thừa những kinh nghiệm của lịch sử. Đặc biệt đối với việc ngăn ngừa mọi phương tiện, phương pháp, hành vi lạm dụng và coi thường pháp luật vì những hành vi vi phạm quyền con người, coi thường và lạm dụng pháp luật đã vô tình làm giảm vai trò của nhà nước. Nói cách khác, khi pháp luật bị coi thường và bị lạm dụng thì đó là biểu hiện chính quyền nhà nước

suy yếu. Việc đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, được bắt đầu thực hiện ngay từ những người thừa hành công vụ sẽ ngăn ngừa được những hiện tượng đó.

3 - Trong xã hội có nhiều tầng lớp người nhưng nhà Lê cũng đã rất chú trọng tới tầng lớp người già, cao tuổi, trẻ em, người tàn tật. Trẻ em là những người chưa đến tuổi thành niên, những người chưa phát triển hoàn thiện về mặt thể chất cũng như trí tuệ và cũng chưa ý thức hết được hành vi của mình. Người già từ 70 tuổi trở lên cùng người tàn tật được luật pháp nhà Lê coi trọng và có những ưu đãi nhất định. Điều 16 có ghi: "Những người từ 70 tuổi trở lên, 15 tuổi trở xuống cùng những người bị phế tật, phạm từ tội *lưu* trở xuống đều cho chuộc bằng tiền..."; hoặc điều 665 ghi: "Những người đáng được nghị xét giảm tội, như 70 tuổi trở lên, 15 tuổi trở xuống, hay bị phế tật, nếu phạm tội thì không được tra tấn, chỉ căn cứ vào lời khai của những người làm chứng mà *định* tội; nếu [quan hình ngục] làm trái điều này, thì coi như phạm tội cố ý buộc tội người".

Theo như các điều luật đã được ghi lại ở trên chúng ta thấy luật pháp triều Lê đã đóng góp giá trị không nhỏ vào quá trình xây dựng và phát triển của khoa học pháp lý về tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền công dân trong quản lý xã hội, đặc biệt là nó lại được xác lập ngay trong lòng xã hội phong kiến. Luật pháp triều Lê đã biểu hiện rõ tính nhân đạo và tư tưởng nhân văn sâu sắc. Chính vì pháp luật triều Lê thấm nhuần đạo lý và truyền thống văn hoá dân tộc Việt Nam như sự "kính già - yêu trẻ"... mà nó đi vào đời sống nhân dân, đời sống xã hội

một cách tự giác và được toàn thể nhân dân tuân thủ và tôn trọng. Do vậy, không phải ngẫu nhiên mà nhà sử học Phan Huy Chú trong cuốn *Lịch triều hiến chương loại chí* đã nhận xét về luật pháp của các triều đại rằng: “Hình của nhà Lý thì lỗi ở khoan rộng, hình của nhà Trần thì lỗi ở nghiêm khắc, luật triều Lê thì thật là mẫu mực để trị quốc”. Đây chính là những kinh nghiệm quý báu về quyền được bảo vệ của trẻ em, tôn trọng người già, người cao tuổi, người tàn tật... thấm đượm tính nhân đạo và nhân văn sâu sắc “bầu ơi thương lấy bí cùng” của dân tộc ta. Những giá trị nhân đạo cao cả, tính nhân văn sâu sắc trong quan hệ giữa người với người trong lịch sử mà ngày nay chúng ta rất cần phải phát huy, phát triển nó thành **ý thức hệ** trong đời sống xã hội. Cùng với sự phát triển cơ sở vật chất thì việc phát huy ý thức hệ nhân văn truyền thống sẽ góp phần rất lớn vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước ta hiện nay.

4 - Trong xã hội phong kiến Việt Nam, tình trạng trọng nam khinh nữ rất phổ biến. Người phụ nữ bị ràng buộc bởi khuôn thước của giáo lý Nho giáo: “Tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu” mặc dù vai trò của người phụ nữ là không nhỏ trong đời sống xã hội nói chung và trong gia đình nói riêng. Họ đóng góp công sức của mình cho việc xây dựng và bảo vệ hạnh phúc gia đình, chăm lo đời sống cho chồng con, lo toan việc ruộng, việc nhà... Gia đình là một tế bào của xã hội, gia đình có tốt thì xã hội mới tốt. Như vậy, gia đình có vai trò quan trọng góp phần tạo nên giá trị xã hội và do đó, với những đóng góp công việc của mình, có thể thấy,

vai trò của người phụ nữ trong xã hội là không nhỏ. Song, với ý thức hệ Nho giáo, vai trò của người phụ nữ đã không được đánh giá đúng mức, ngoài ra còn bị kìm hãm trong những luân lý giáo điều. Do đó, trong tập quán xã hội và trong các văn bản pháp quy của nhà nước đã hạn chế những quyền của họ với tư cách là một con người, một công dân trong xã hội và vì vậy, xã hội phong kiến hầu như không phát huy được vai trò tích cực của người phụ nữ trên mọi phương diện.

Nhưng ở nhà Lê, vai trò của người phụ nữ cũng đã được nhìn nhận. Vì vậy, luật pháp thời kỳ này cũng ghi nhận quyền của người phụ nữ trong xã hội, khẳng định một bước tiến bộ mới của luật hình. Chẳng hạn, điều 338 quy định: “Những nhà quyền thế mà ức hiếp để lấy con gái kẻ lương dân, thì xử tội *phạt, biếm* hay *đo*”; đồng thời, nó cũng bảo vệ phẩm giá và quyền thiêng liêng của họ như điều 680 ghi: “Đàn bà phải tội *tử hình* trở xuống, nếu đang có thai, thì phải để sinh đẻ sau một trăm ngày mới đem *hành hình*. Nếu chưa sinh mà đem *hành hình*, thì ngục quan phải xử *biếm* hai tư...”. Đó là những giá trị mà chúng ta cần kế thừa. Ngày nay, ngoài việc khẳng định quyền bình đẳng của phụ nữ, chúng ta còn phải quan tâm tới những quyền thiên chức đặc biệt của họ. Thông qua chính sách xã hội có chế độ đãi ngộ thoả đáng mà điều kiện xã hội cho phép để họ thực hiện quyền thiên chức của mình như được chăm sóc y tế khi mang thai, quyền làm mẹ, chăm sóc trẻ thơ... Bên cạnh đó, gia đình và xã hội cũng cần tạo điều kiện thuận lợi về thời gian, phương tiện cần thiết khác giúp đỡ người mẹ trong việc chăm sóc và

nuôi dạy con cái. Điều đó giúp người phụ nữ tự khẳng định vai trò và vị trí, phát huy năng lực, phẩm chất quý giá của mình, đóng góp không nhỏ vào việc xây dựng gia đình hạnh phúc, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

5 - Đối với xã hội loài người, lao động cũng là quyền tự nhiên của con người để tạo ra của cải duy trì cuộc sống của mình. Vì vậy, vấn đề này được luật pháp nhà Lê tôn trọng, đặc biệt sau chiến tranh, việc này cần đặc biệt khuyến khích để phục hồi và phát triển kinh tế đất nước. Điều 350 có ghi rõ: “Những ruộng đất công có chỗ bỏ hoang mà quan trông coi không tâu để xin chia cho người cày ruộng khai khẩn, thì xử tội *biếm* hay *phạt*...”

Trong một xã hội phong kiến, nền kinh tế chủ yếu phụ thuộc vào nông nghiệp, việc nhà Lê khai thác ruộng đất quốc gia, phát triển kinh tế nông nghiệp là việc làm đúng đắn. Nó là cơ sở để đảm bảo thực hiện quyền lao động của nhân dân, đồng thời sử dụng có hiệu quả nguồn lực lao động đó. Mặt khác, luật cũng đưa ra quy định bảo vệ lực lượng lao động: “... Nếu vô cớ mà tự tiện bắt quân dân phục dịch thì xử tội nặng hơn *luật* thường một bậc”(Điều 619). Quy định trên là sự kế thừa tinh hoa những tư tưởng quý báu trong kho tàng tri thức dựng nước và giữ nước của dân tộc ta. Chẳng hạn, ngay từ triều Trần, việc khoan thư sức dân được Trần Quốc Tuấn coi là điều cốt yếu để giữ nước. Vì vậy, với những tư tưởng tiến bộ đó, nhà Lê đã xây dựng được nhà nước phong kiến trung ương tập quyền cường thịnh nhất trong lịch sử xã hội phong kiến Việt Nam.

Ở nước ta cũng như nhiều nước hiện nay trên thế giới, vấn đề quyền và nghĩa vụ lao động của công dân đang là vấn đề cần giải quyết thoả đáng. Tuy nhiên, ở mỗi thời kỳ phát triển khác nhau của xã hội loài người, quyền và nghĩa vụ lao động của con người cũng có những bước phát triển theo yêu cầu tiến bộ của thời đại. Điều đó có nghĩa là, ở thời kỳ nền văn minh nông nghiệp, người lao động chỉ cần có sức khoẻ và một chút kinh nghiệm là đủ, nhưng chuyển sang nền văn minh công nghiệp hay hậu công nghiệp thì yêu cầu về sức khoẻ không thôi thì chưa đủ, mà cần phải có trình độ khoa học kỹ thuật cao mới đáp ứng được công việc. Do đó, để thực hiện được quyền lao động trong xã hội hiện đại đòi hỏi người lao động phải cần đào tạo mình đạt được trình độ tối thiểu cần thiết mà nền sản xuất xã hội đương đại yêu cầu. Bên cạnh đó, nhà nước cũng có những chính sách sử dụng hợp lý lực lượng lao động, tránh sự lãng phí.

6 - Hoạt động sản xuất ra của cải vật chất để duy trì cuộc sống của con người là tất yếu và do vậy, quyền bảo vệ những tài sản thiết yếu trực tiếp cho cuộc sống là hình thức cổ hữu của con người. Tuy theo trình độ phát triển của kinh tế xã hội mà vấn đề về quyền tài sản được xác định ở từng mức độ khác nhau.

Ở thế kỷ XV, Việt Nam là một nước phong kiến với kinh tế truyền thống là nông nghiệp sản xuất nhỏ, cơ sở của nền kinh tế phát triển chưa cao, do vậy việc xác lập quyền tài sản trong xã hội chỉ là sở hữu nhỏ những tài sản thiết yếu phục vụ đời sống. *Quốc triều hình luật* đã ghi nhận, bảo vệ quyền tài sản đó của nhân

dân. Điều 596 ghi: “Phá trộm dê làm thiệt hại nhà cửa, lúa má của dân, thì xử tội *đồ* hay tội *lưu* và bắt đền thiệt hại” hoặc điều 581 ghi rằng: “Người thả trâu ngựa cho dầy xéo, ăn lúa, dâu của người ta, thì xử phạt 80 *trượng*, và đền sự thiệt hại. Nếu cố ý thả cho dầy xéo, phá hoại của người ta, thì xử *biếm* một tư và đền gấp đôi cho sự thiệt hại...”.

Thế kỷ XV với chế độ quân chủ chuyên chế chưa phải là xã hội công dân, quyền lực của nhà vua, của triều đình nhà nước phong kiến đã hạn chế quyền con người, quyền công dân trong xã hội. Tuy nhiên, với việc bước đầu ghi nhận những quyền ít ỏi của con người, của công dân trong xã hội, lập pháp của nhà Lê đã đánh dấu bước tiến quan trọng trong lịch sử luật pháp Việt Nam.

Ngày nay, trong điều kiện kinh tế thị trường đang phát triển, việc xây dựng những bộ luật đảm bảo quyền tài sản ở trình độ cao và môi trường kinh tế an toàn, lành mạnh đủ tin cậy để nhân dân sử dụng tài sản của mình đóng góp vào sự phát triển chung của nền kinh tế đất nước là rất cần thiết. Sự đa dạng hoá các hình thức sở hữu trong các thành phần kinh tế đã và đang khơi dậy tiềm năng về vốn, tài sản, trí tuệ của nhân dân vào sự nghiệp chung. Điều đó đã mang lại niềm tin trong nhân dân và thành tựu kinh tế xã hội của nó đã góp phần không nhỏ vào thắng lợi của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước hiện nay.

Bộ *Quốc triều hình luật* nhà Lê thế kỷ XV là sản phẩm của xã hội đạt đến đỉnh cao trong lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam. Bộ luật đã đóng góp một thành tựu to lớn trong lịch sử lập pháp của nước

nhà, chứa đựng nhiều điểm tiến bộ, tích cực của luật pháp hiện đại, phản ánh phong phú đời sống xã hội lúc bấy giờ. Bộ luật được coi là hoàn chỉnh đầu tiên của nhà nước phong kiến Việt Nam, thể hiện tính nhân đạo cao quý và mang đậm bản sắc dân tộc.

Điều mà chúng ta đặc biệt chú ý trong bộ luật này là giá trị về quyền con người cũng như mầm mống quyền công dân trong xã hội, được xây dựng ngay trong lòng chính thể chính trị quân chủ, mặc dù đó mới chỉ là tiền đề nhưng rất quan trọng. Việc thừa nhận và tôn trọng quyền con người, quyền công dân trong một xã hội như vậy là nhân tố vượt trước làm động lực cho việc phát triển xã hội. Mặc dù Nho giáo là quốc giáo ngự trị tinh thần, đời sống xã hội lúc bấy giờ nhưng các nhà lập pháp triều Lê đã biết sử dụng những ưu điểm của nó kết hợp với những giá trị truyền thống của dân tộc để xây dựng nên bộ luật như vậy. Chính vì thế, cho đến nay vẫn còn lưu truyền lại về thời kỳ này rằng: đêm nằm ngủ, nhà nhà không phải cài then, lúa khoai đầy đồng không bị lấy trộm, xã tắc yên bình, đại trị. Do đó, có thể thấy, việc xây dựng và tôn trọng quyền con người, quyền công dân trong xã hội tiến trước một bước so với thực tế là tác động tích cực cho sự phát triển xã hội và còn tránh được những cuộc bạo động nhen nhóm từ trong lòng xã hội mà lịch sử loài người đã ghi nhận. Việc tôn trọng, bảo vệ các quyền của con người, quyền công dân vừa là giá trị của xã hội đó vừa là điều kiện để mỗi con người, mỗi công dân đóng góp công sức vào việc duy trì ổn định và phát triển cộng đồng, xã hội của mình. □